TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **THÀNH PHỐ M**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2023/DS-ST
Ngày: 31 - 5 - 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố M *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2021/TLST - DS ngày 24 tháng 12 năm 2021 về: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1985

Địa chỉ: 230/6/7/27 Mã Lò, phường X, quận B, Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn Z, sinh năm 1990, là người đại diện theo ủy quyền

(Giấy ủy quyền ngày 21/01/2021 tại Văn phòng công chứng Đầm Sen, Thành phố M)

Địa chỉ: 124/1 đường số 14 phường Y, quận B, Thành phố M.

(ông Z có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đòi nợ L.

Địa chỉ: 39/19F ấp Đông 1, xã T, huyện H, Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Nguyễn O, sinh năm 1982, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: 1/7E ấp H, Xã Đ, huyện H, Thành phố M.

(vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị N. D

Địa chỉ: 159/39E Hoàng Văn Thụ, Phường P, quận N, Thành phố M.

(bà D vắng mặt)

Ông Đinh Hải A1, sinh năm 1976

Địa chỉ: 945/6 Nguyễn Ảnh Thủ, phường C, Quận G, Thành phố M.

(ông A1 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị A và Công ty Cổ phần Đòi nợ L (sau đây gọi tắt là Công ty L) có ký hợp đồng số 1411HDDV/TN-NTHH/Thành phố M.20 ngày 14/11/2020. Theo đó Công ty L nhận thực hiện đòi số nợ 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của bà A đối với khách nợ là bà Lê Thị N. D, mức phí dịch vụ thu hồi nợ gốc là 27% trên tổng số tiền thực thu. Ngày 04/12/2020, Công ty L thu hồi được 30.000.000 đồng, theo khoản 3 Điều 2 của hợp đồng thì Công ty L phải thanh toán ngay cho bà A. Tuy nhiên, bà A nhiều lần yêu cầu nhưng công ty vẫn không thanh toán tiền. Theo hợp đồng, trường hợp công ty giao nhận tiền không đúng quy định thì bà A có quyền hủy hợp đồng và công ty phải chịu bồi thường thiệt hại cho bà A theo Điều 4 của Hợp đồng, mức bồi thường bằng mức phí dịch vụ đòi nợ. Do đó, bà A khởi kiện Công ty Cổ phần Đòi nợ L và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên bố chấm dứt hiệu lực hợp đồng số 1411HDDV/TN-NTHH/Thành phố M.20 ngày 14/11/2020. Buộc Công ty Cổ phần Đòi nợ L phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 05/12/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, theo mức lãi suất 0.83%/tháng, tạm tính đến ngày 05/4/2023 là 6.972.000 đồng.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đòi nợ L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị N. D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2022, ông Đinh Hải A1 trình bày: trong vụ việc này, ông là nhân viên của Công ty thực hiện hợp đồng đòi nợ, bà D có chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản của ông, số tiền này ông đã nộp về công ty theo quy định. Hiện tại ông không còn làm việc tại Công ty Cổ phần Đòi nợ L.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông Đinh Hải A1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Lê Thị N. D và Công ty Cổ phần Đòi nợ L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân huyện H, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các

đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị A căn cứ hợp đồng dịch vụ đòi nợ được ký giữa bà A và Công ty Cổ phần Đòi nợ L để khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đòi nợ L trả số tiền mà Công ty đã thu hồi được từ khách nợ bà Lê Thị N. D, xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng dịch vụ. Công ty Cổ phần Đòi nợ L đăng ký trụ sở chính tại 39/19F ấp Đông 1, xã T, huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Công ty Cổ phần Đòi nợ L và bà Lê Thị N. D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông Đinh Hải A1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần Đòi nợ L, bà D, ông Đinh Hải A1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng dịch vụ đòi nợ số 1411HDDV/TN-NTHH/Thành phố M.20 ngày 14/11/2020.

Căn cứ hợp đồng dịch vụ đòi nợ số 1411HDDV/TN-NTHH/Thành phố M.20 ngày 14/11/2020, giữa bà Nguyễn Thị A và Công ty Cổ phần Đòi nợ L, có cơ sở xác định bà A là bên thuê dịch vụ đòi nợ và Công ty Cổ phần Đòi nợ L là bên được thuê dịch vụ đòi nợ. Theo thỏa thuận tại Điều 7 của hợp đồng thì hợp đồng có hiệu lực 04 tháng kể từ ngày ký và sẽ được tự động gia hạn nếu Công ty L đã thu được khoản tiền đầu tiên từ khách nợ hoặc có văn bản cam kết trả nợ. Tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng, Nghị định số 104/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ về kinh doanh dịch vụ đòi nợ đang có hiệu lực, do đó việc ký kết hợp đồng dịch vụ đòi nợ giữa các bên là không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với quy định tại các Điều 513, 514 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, kể từ ngày 01/01/2021, ngày Luật đầu tư năm 2020 có hiệu lực thì kinh doanh dịch vụ đòi nợ thuộc ngành nghề cấm kinh doanh, tại khoản 5 Điều 77 Luật đầu tư năm 2020 quy định: "hợp đồng cung cấp dịch vụ đòi nợ ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành; các bên tham gia hợp đồng được thực hiện các hoạt động để thanh lý hợp đồng cung cấp dịch vụ đòi nợ theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan". Như vậy, Hợp đồng dịch vụ

đòi nợ số 1411HDDV/TN-NTHH/Thành phố M.20 ngày 14/11/2020 chấm dứt từ ngày 01/01/2021.

[2.2] Xét yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Đòi nợ L phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 05/12/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, theo mức lãi suất 0.83%/tháng.

Đối chiếu lời khai của ông Đinh Hải A1, thông tin sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng Đinh Hải A1 - số tài khoản 36810000138725 trong ngày 04/12/2020 do Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam cung cấp và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định ngày 04/12/2020, Công ty Cổ phần Đòi nợ L đã thu hồi được số tiền 30.000.000 đồng từ khách nợ là bà Lê Thị N. D, người trực tiếp thu nợ là ông Đinh Hải A1 nhân viên của Cổ phần Đòi nợ L.

Xét tại khoản 3 Điều 2 của hợp đồng dịch vụ đòi nợ số 1411HDDV/TN-NTHH/Thành phố M.20 ngày 14/11/2020, hai bên thỏa thuận khi khách nợ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đòi nợ L thì công ty phải thanh toán ngay cho bà Nguyễn Thị A sau khi trừ phần trăm phí dịch vụ tương ứng với số tiền thu hồi được kèm theo các khoản phí đã thỏa thuận khác (nếu có). Phí dịch vụ tương ứng của số tiền 30.000.000 đồng là: 27% x 30.000.000 đồng = 8.100.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Đòi nợ L chưa thanh toán cho bà A là đã vi phạm nghĩa vụ hoàn trả số tiền thu hồi nợ. Tại Điều 4 của hợp đồng, hai bên thỏa thuận trường hợp các bên giao nhận tiền không đúng quy định theo khoản 3 Điều 2 hợp đồng này thì mức bồi thường vi phạm hợp đồng được quy định bằng mức phí dịch vụ đòi nợ tại Điều 2 của hợp đồng. Như vậy, Công ty Cổ phần Đòi nợ L không được hưởng khoản tiền phí dịch vụ đòi nợ là 8.100.000 đồng và có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần Đòi nợ L phải thanh toán cho bà A toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Công ty Cổ phần Đòi nợ L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 05/12/2020 nên Công ty Cổ phần Đòi nợ L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trong vụ án này các bên không có thỏa thuận về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, do đó căn cứ khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất trong trường hợp này được xác định là 10%/năm. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0.83%/tháng, tức 9,96%/năm là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Như vậy, từ ngày 05/12/2020 tính đến ngày 31/5/2023 là 2 năm 5 tháng 26 ngày, số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 7.436.800 đồng.

Về phương thức và thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu nên cần phải buộc bị đơn thanh toán một lần số tiền còn nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Cổ phần Đòi nợ L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho thấy Công ty Cổ phần Đòi nợ L đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Công ty Cổ phần Đòi nợ L phải tự chịu trách nhiệm.

Từ những nhận định nêu trên, đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 13, 357, 360, 419, 422, 468, 513, 514, 516, 519 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 5 Điều 77 Luật đầu tư năm 2020;

Áp dụng Nghị định số 104/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ về kinh doanh dịch vụ đòi nợ;

Áp dụng Luật phí và lệ phí;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Tuyên bố hợp đồng dịch vụ đòi nợ số 1411HDDV/TN-NTHH/Thành phố M.20 ngày 14/11/2020 ký giữa Công ty Cổ phần Đòi nợ L và bà Nguyễn Thị A chấm dứt kể từ ngày 01/01/2021.

Buộc Công ty Cổ phần Đòi nợ L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị A số tiền còn nợ tính đến ngày 31/5/2023 là 37.436.800 đồng, trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 7.436.800 đồng.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đòi nợ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.871.840 (Một triệu tám trăm bảy mươi mốt ngàn tám trăm bốn mươi) đồng. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị A số tiền 762.450 (Bảy trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi) đồng tạm ứng án phí do bà A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038485 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện H, TP. HCM;
- Chi cục THADS huyện H, TP. HCM;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Oanh